

# TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH KHÍ HẬU ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phùng Thị Thu Hương

Lưu Hạnh Nguyên

Cù Nguyễn Hà Trang

*Tóm tắt:* Biến đổi khí hậu (BĐKH) đã và đang gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đáng kể đối với môi trường và xã hội. Trong bối cảnh này, các chính sách tài chính khí hậu đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nguồn tài chính hướng đến các dự án nhằm giảm tác động của BĐKH. Bài nghiên cứu tập trung vào việc đánh giá tác động của chính sách tài chính khí hậu đến phát triển bền vững qua kinh nghiệm từ các quốc gia điển hình. Thụy Điển đã thành công trong việc sử dụng thuế carbon để giảm khí thải carbon và đầu tư vào năng lượng tái tạo. Ấn Độ đã phát hành thành công trái phiếu xanh để tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng. Pháp cũng đã áp dụng thành công luật công bố rủi ro liên quan đến BĐKH đối với các doanh nghiệp. Bài nghiên cứu cũng tổng hợp những thách thức trong việc thực thi chính sách tài chính khí hậu của các quốc gia, từ đó rút ra bài học và định hướng phát triển chính sách trong tương lai.

*Từ khóa:* Chính sách tài chính khí hậu; Kinh nghiệm quốc tế; Phát triển bền vững.

## Giới thiệu

Biến đổi khí hậu (BĐKH) đang ngày càng trở nên nguy hiểm và khó lường với các vấn đề về sự gia tăng nhiệt độ, hạn hán, ngập lụt, cháy rừng,... gây ra các thách thức to lớn đối với các nước trong việc đạt được mục tiêu phát triển bền vững (Beg et al., 2002). BĐKH có tác động đáng kể đến phát triển bền vững và các chính sách tài chính liên quan đến khí hậu đóng một vai trò quan trọng trong việc giải quyết vấn đề này. Các chính sách tài chính khí hậu được thực hiện thông qua các công cụ chính như trái phiếu xanh, định giá carbon và các sáng kiến đầu tư bền vững, nhằm mục đích giảm thiểu tác động bất lợi của BĐKH và thúc đẩy phát triển bền vững. Các chính sách này khuyến khích quá trình chuyển đổi sang các nền kinh tế ít carbon và có khả năng chống chịu với khí hậu bằng cách hướng các nguồn tài chính vào các dự án

giảm phát thải khí nhà kính, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, thúc đẩy các nguồn năng lượng tái tạo và xây dựng khả năng phục hồi khí hậu. Tuy nhiên, việc triển khai các chính sách tài chính khí hậu hiện nay vẫn chưa phổ biến và chưa đem lại nhiều hiệu quả ở các nước trên thế giới. Mục tiêu của nghiên cứu này sẽ làm rõ hơn mối quan hệ giữa chính sách tài chính khí hậu và phát triển bền vững, đồng thời học hỏi kinh nghiệm từ các nước điển hình như Thụy Điển, Ấn Độ và Pháp trong việc thực hiện các chính sách tài chính khí hậu để từ đó rút ra bài học và định hướng phát triển chính sách này trong tương lai.

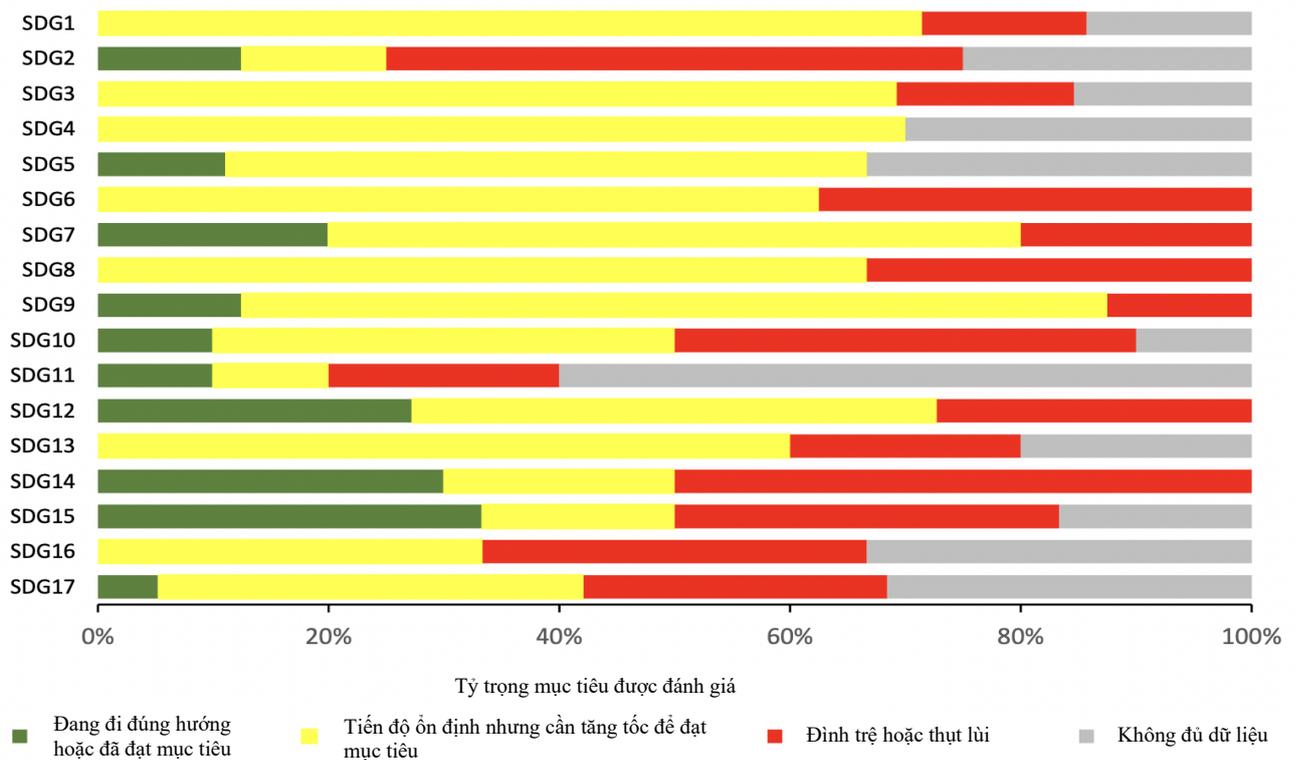
## 1. Chính sách tài chính khí hậu và phát triển bền vững

### 1.1. Các mục tiêu phát triển bền vững

Các mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable development goals - SDGs) được thiết lập vào năm 2015, là mục tiêu phổ quát được thiết kế và triển khai nhằm mục đích chấm dứt đói nghèo, bảo vệ hành tinh và đảm bảo

rằng tất cả mọi người được hưởng hòa bình và thịnh vượng vào năm 2030 ở mỗi quốc gia thành viên Liên hiệp quốc (United Nations - UN).

HÌNH 1. ĐÁNH GIÁ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN 17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Nguồn: United Nations, 2023.<sup>1</sup>

Tính tới Quý I/2023, SGDs đã có tiến bộ trong một số lĩnh vực (Hình 1). Tuy nhiên, tiến độ của một số mục tiêu đang ở mức đáng lo ngại do chưa được thực hiện hoặc có tiến triển chậm, thậm chí là suy giảm. Đáng chú ý, tốc độ giảm nghèo toàn cầu (SDG 1) đã chậm lại do tác động của đại dịch COVID-19 trong khi quá trình phục hồi sau đại dịch diễn ra chậm và không đồng đều do thế giới hiện đang phải đối mặt với nhiều rủi ro địa chính trị, kinh tế xã hội và đặc biệt là vấn đề về biến đổi khí hậu.

Những vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu đang đặt ra thách thức đối với chính phủ và các cơ quan quản lý các nước khi hướng tới mục tiêu phát triển bền vững vào năm 2030 sắp tới (Filho et al., 2023), đồng thời có tác động đáng kể tới nền kinh tế, doanh nghiệp và tổ chức tài chính - ngân hàng. Vì vậy, trong những năm gần đây, các ngân hàng trung ương và cơ quan quản lý tài chính trên toàn thế giới bắt đầu triển khai các công cụ và chính sách về tài chính khí hậu nhằm giảm thiểu các rủi ro liên quan đến

<sup>1</sup> Ghi chú: SDG 1: Xóa nghèo, SDG 2: Không còn nạn đói; SDG 3: Sức khỏe và có cuộc sống tốt; SDG 4: Giáo dục có chất lượng; SDG 5: Bình đẳng giới; SDG 6: Nước sạch và vệ sinh; SDG 7: Năng lượng sạch với giá thành hợp lý; SDG 8: Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế; SDG 9: Công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng; SDG 10: Giảm bất bình đẳng; SDG 11: Các thành phố và cộng đồng bền vững; SDG 12: Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm; SDG 13: Hành động về khí hậu; SDG 14: Tài nguyên và môi trường biển; SDG 15: Tài nguyên và môi trường trên đất liền; SDG 16: Hòa bình, công lý và các thể chế mạnh mẽ; SDG 17: Quan hệ đối tác vì các mục tiêu.

BĐKH (Galhau, 2019; Diluiso et al., 2021; D’orazio and Dirks, 2022). Có thể thấy rằng ngày càng có nhiều sự công nhận về vai trò của các chính sách tài chính khí hậu trong giải quyết những thách thức do BĐKH gây ra. Nhìn chung, các chính sách tài chính khí hậu đều hướng tới giải quyết các rủi ro khí hậu và mở rộng quy mô tài chính xanh, góp phần giảm thiểu lượng các-bon và thúc đẩy sự chuyển dịch từ một nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào nhiên liệu hóa thạch sang một nền kinh tế các-bon thấp và bền vững.

### **1.2. Chính sách tài chính khí hậu**

Trong những năm gần đây, các chính sách tài chính khí hậu thu hút sự quan tâm không chỉ của các nhà hoạch định chính sách mà cả các nhà nghiên cứu. Các bài nghiên cứu trước đây đã đạt được tiến bộ đáng kể trong việc phân tích và nghiên cứu việc thực thi các chính sách này ở nhiều quốc gia trên thế giới (Barmes & Livingstone, 2021; Dikau & Ryan-Collins, 2017; D’Orazio, 2022; D’Orazio & Popoyan, 2019). Ví dụ, Barmes & Livingstone (2021) kết luận rằng, trong số các quốc gia G20, phần lớn các chính sách tài chính khí hậu tập trung ưu tiên các tài sản và ngành công nghiệp xanh, thay vì chỉ tập trung vào việc hạn chế các nguyên nhân chính gây ra biến đổi khí hậu.

Bên cạnh đó, khi nghiên cứu về các nền kinh tế mới nổi và các nước đang phát triển, Dikau & Ryan-Collins (2017) nhận thấy sự tham gia một cách toàn diện của các ngân hàng trung ương và các cơ quan chính phủ ở các quốc gia này trong việc thực thi các chính sách xanh. Ví dụ, Trung Quốc có xu hướng thu hút sự tham gia của tất cả các cơ quan chính phủ có liên quan bằng cách hướng dẫn họ ban hành các quy định và bằng cách thiết lập sự phối hợp giữa các cơ quan để đảm bảo thực hiện sâu rộng các sáng kiến chính sách.

Các bài nghiên cứu trước cũng chỉ ra rằng, các chính sách tài chính khí hậu hướng tới 05 công cụ chính (Cortellini & Panetta, 2021; D’Orazio & Thole, 2022; Krueger et al., 2020;

Ng, 2018). Đầu tiên, theo D’Orazio & Thole (2022), chính sách tài chính khí hậu được sử dụng để xác định các mối đe dọa và duy trì sự ổn định tài chính khi có rủi ro tài chính liên quan đến BĐKH. Các chính sách này được gọi là quy định an toàn xanh (green prudential regulations - GPP). GPP bao gồm các chính sách như quy định về vốn, các biện pháp quản trị và quản lý rủi ro, các bài kiểm tra sức chịu liên quan đến khí hậu (climate-related stress tests - CRST) và đánh giá rủi ro liên quan đến khí hậu nhằm vào lĩnh vực ngân hàng. Ví dụ, các công cụ vốn trong khuôn khổ Hiệp ước vốn Basel (bao gồm yêu cầu về an toàn vốn, bộ đệm vốn ngược chu kỳ, tỷ lệ đòn bẩy và trọng số rủi ro áp dụng cho tài sản của ngân hàng) tập trung vào việc giảm rủi ro hệ thống của các tổ chức nhận tiền gửi, từ đó có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh tế thực và hệ thống ổn định tài chính.

Bên cạnh đó, để đánh giá khả năng phục hồi của hệ thống tài chính trước các cú sốc khí hậu, quy trình đánh giá tính đầy đủ vốn nội bộ (Internal Capital Adequacy Assessment - ICAAP) và các bài kiểm tra sức chịu trước các rủi ro khí hậu được ngân hàng trung ương và cơ quan quản lý đưa ra. Các biện pháp này giúp cung cấp thông tin hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách về mức độ rủi ro liên quan đến khí hậu của hệ thống tài chính thông qua việc đưa ra giả thuyết về các kịch bản sốc liên quan đến khí hậu và phân tích tác động của chúng đối với sự ổn định của các tổ chức tài chính và cả hệ thống (NGFS, 2019). Tiên phong trong việc kết hợp rủi ro khí hậu trong ICAAP, Ngân hàng Trung ương Brasil yêu cầu các ngân hàng thương mại kết hợp các yếu tố rủi ro khí hậu trong tính toán nhu cầu vốn (Ngân hàng Trung ương Brasil, 2011). Năm 2020, Ngân hàng Trung ương Anh đã yêu cầu các tổ chức tài chính ở Anh báo cáo về rủi ro khí hậu trong hệ thống tài chính, từ đó giúp Chính phủ đưa ra những điều chỉnh cần thực hiện để duy trì khả năng phục hồi của hệ thống tài chính (Ngân hàng Trung ương Vương quốc Anh, 2019).

Thứ hai, chính sách phân bổ tín dụng xanh (green credit allocation policies - GCA) là một trong các chính sách tài chính khí hậu hướng tới mục tiêu thúc đẩy cho vay và đầu tư xanh thông qua phân bổ tín dụng và/hoặc hạn mức cho vay (D'orazio and Dirks, 2022). Theo đó, công cụ phân bổ tín dụng là hạn mức cho vay xanh và cho vay ưu đãi đối với các lĩnh vực ưu tiên và thân thiện với môi trường. Cụ thể, hạn mức tín dụng bắt buộc hoặc tối thiểu yêu cầu các ngân hàng phân bổ một tỷ lệ cố định trong danh mục cho vay của họ cho một lĩnh vực, khu vực hoặc nguyên nhân cụ thể (Dikau & Ryan-Collins, 2017). Ví dụ, Ấn Độ đã áp dụng một biện pháp vào năm 2015 yêu cầu các ngân hàng phân bổ 40% khoản cho vay của họ cho các lĩnh vực cụ thể như nông nghiệp, cơ sở hạ tầng xã hội, dự án năng lượng tái tạo, giáo dục và các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSMEs) theo chương trình Cho vay theo lĩnh vực ưu tiên (Priority Sector Lending Programme) (Reserve Bank of India., 2015).

Thứ ba, các chính sách tài chính khí hậu hướng tới thúc đẩy việc tạo ra các thị trường tài chính xanh hoặc phù hợp với khí hậu thông qua các nguyên tắc tài chính xanh (green financial principles - GFG). Trong đó, từ đầu những năm 2000, Pháp đã áp dụng các nguyên tắc và hướng dẫn tài chính xanh nhằm tạo ra một thị trường tài chính phù hợp với các mối quan tâm về biến đổi khí hậu. Trong thời gian gần đây, các nền kinh tế mới nổi cũng bắt đầu tham gia vào việc thực hiện GFG. Đáng chú ý, trong nỗ lực phối hợp các định nghĩa xanh giữa các cơ quan quản lý tài chính, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC), cùng với Ủy ban Cải cách & Phát triển Quốc gia (NDRC) và Ủy ban Chứng khoán & Điều tiết Trung Quốc (CSRC) đã cùng phát hành phiên bản sửa đổi của dự án Danh mục chứng thực Trái phiếu Xanh (Green Bond Endorsed Project Catalogue) (ICMA, 2021). Danh mục chứng thực Trái phiếu Xanh được đưa ra với các mục tiêu xây dựng hệ thống tài chính xanh, điều tiết thị trường trái phiếu xanh hơn nữa, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu, đẩy nhanh xây dựng nền văn minh sinh thái và tạo điều

kiện phát triển kinh tế bền vững gắn kết với các chính sách tài chính xanh hiện có khác.

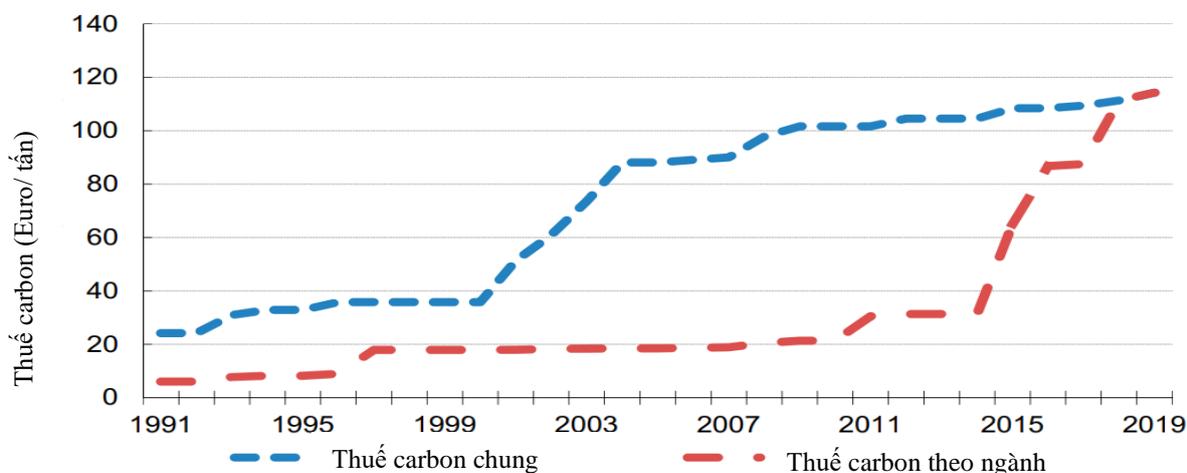
Một mục đích khác của các chính sách tài chính khí hậu là tăng cường công khai các rủi ro tài chính và phi tài chính liên quan đến BDKH (D'orazio & Dirks, 2022). Các chính sách này được gọi là các yêu cầu công bố thông tin khác (other disclosure requirements - OGD). Theo Hiệp hội Kế toán quốc tế (IFAC) (2023), 95% các doanh nghiệp lớn đã công bố thông tin về các yếu tố ESG trong năm 2021, tăng 91% so với cùng kỳ năm 2019. Xu hướng này phản ánh sự thay đổi trong môi trường kinh doanh, nơi các bên liên quan, bao gồm nhà đầu tư, yêu cầu thông tin chất lượng và minh bạch về các nỗ lực bền vững và tác động của các doanh nghiệp (Krueger et al., 2020).

Cuối cùng, các chính sách tài chính liên quan đến khí hậu được thực hiện để thúc đẩy cho vay xanh thông qua trái phiếu xanh với việc thực hiện phân loại và phát hành trái phiếu xanh (D'orazio & Dirks, 2022; Krogstrup & Oman, 2019). Theo ICMA (2021), trái phiếu xanh là loại công cụ trái phiếu được sử dụng như một phương tiện cấp vốn hoặc tái cấp vốn, một phần hoặc toàn bộ, cho các dự án xanh đủ điều kiện mới hoặc/và hiện có. Những công cụ tài chính này đã giúp điều hướng nguồn vốn tư nhân vào các khoản đầu tư bền vững và cung cấp cho các doanh nghiệp nguồn lực tài chính cần thiết để chuyển đổi sang các phương pháp bền vững hơn. Trong nửa đầu năm 2021, tổng số phát hành của các trái phiếu Xanh, Xã hội và Bền vững (GSS), trái phiếu liên quan đến bền vững (SLB) và trái phiếu Chuyển đổi đạt tổng cộng gần 496,1 USD (Climate Bonds Initiative, 2021). Trong thập kỷ qua, các nghiên cứu hiện có đang quan tâm các yếu tố liên quan đến sự phát triển của thị trường trái phiếu xanh và tác động của nó đối với sự ổn định tài chính của tổ chức phát hành (Deschryver & de Mariz, 2020; Maltais & Nykvist, 2021; Ng, 2018) và đối với BDKH (Fatica & Panzica, 2021; Reboredo, 2018; Xu & Li, 2023; Zerbib, 2019). Liên quan đến tác động của liên kết xanh đối với môi

trường, Xu and Li (2023) tìm thấy bằng chứng cho thấy, trái phiếu xanh có tác dụng giảm thiểu cả về số lượng và cường độ phát thải carbon. Hơn nữa, vì trái phiếu xanh mang lại các ưu đãi và sự tiện lợi khi phát hành, các tổ chức phát hành được khuyến khích giảm lượng khí thải carbon của họ để có được vốn phát hành (Flammer, 2021).

Chính sách tài chính khí hậu thực sự có thể kích thích tăng trưởng kinh tế bằng cách tạo ra những cơ hội mới cho đổi mới và đầu tư vào công nghệ, đồng thời có tác động xã hội tích cực bằng cách thúc đẩy tạo việc làm và giảm đói nghèo. Tuy nhiên, điều quan trọng là đảm bảo rằng các chính sách này được thiết kế phù hợp với nhu cầu và quan điểm của tất cả các bên liên quan ở các nước, bao gồm cả các cộng đồng bị thiệt thòi có thể bị ảnh hưởng nhiều hơn bởi biến đổi khí hậu.

HÌNH 2. SỰ PHÁT TRIỂN THUẾ CARBON CỦA THỤY ĐIỂN CHO CÁC LĨNH VỰC SỬ DỤNG KHÁC NHAU



Nguồn: Văn phòng Chính phủ Thụy Điển, 2023.

Thụy Điển thành công trong việc áp dụng thuế carbon do Chính phủ nước này đã từng bước cải cách các quy định về thuế carbon. Năm 1991, thuế carbon lần đầu tiên được áp dụng ở Thụy Điển như một biện pháp bổ sung cho hệ thống thuế năng lượng hiện có. Thuế carbon được đưa ra vào năm 1991 với mức tương ứng với 250SEK trên mỗi tấn carbon dioxide hóa

## 2. Kinh nghiệm của các nước trong thực hiện các chính sách tài chính khí hậu cho sự phát triển bền vững

### 2.1. Sử dụng thuế carbon của Thụy Điển

Thụy Điển được biết đến là quốc gia tiên phong trong quản trị năng lượng và rủi ro khí hậu (Burck et al., 2020). Trong đó, Thụy Điển đã sử dụng rất hiệu quả thuế carbon để giảm thiểu sự gia tăng lượng khí thải CO<sub>2</sub>. Vào thời điểm ban hành quy định về thuế carbon, lượng khí thải carbon dioxide của Thụy Điển là tác nhân chính (chiếm khoảng 80%) gây ra hiệu ứng nhà kính (Ministry of Environment Sweden, 2014). Thách thức của BĐKH buộc Chính phủ Thụy Điển phải áp dụng “Mục tiêu ổn định năm 1988” nhằm ổn định lượng khí thải carbon của Thụy Điển (Andersson, 2019).

thạch thải ra và đã đạt mức cao nhất là 1.330SEK vào năm 2023 (Văn phòng Chính phủ Thụy Điển, 2023). Từ Hình 2 có thể thấy, ban đầu thuế carbon được đánh ở mức tương đối thấp và tăng dần theo từng bước qua các năm. Đồng thời, việc tăng thuế đối với năng lượng và carbon đã được kết hợp với việc giảm các loại thuế khác để tránh tăng mức thuế tổng

thể. Nhờ vậy, các hộ gia đình và doanh nghiệp đã có thời gian thích nghi với mức thuế mới áp dụng, góp phần nâng cao tính khả thi và góp phần vào sự thành công của chế độ thuế carbon của Thụy Điển (Shmelev & Speck, 2018).

Một lý do khác cho sự thành công của quy định thuế carbon của Thụy Điển là việc xác định chính xác đối tượng chịu thuế (Bohlin, 1998). Thuế tiêu thụ đặc biệt áp đặt đối với các nhiên liệu có hàm lượng carbon cao như dầu mỏ và khí tự nhiên đã giúp giảm phần lớn sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. Trong khi đó, các lĩnh vực lớn của nền kinh tế, đặc biệt là công nghiệp và nông nghiệp, chịu mức thuế carbon

thấp hơn đáng kể và nhiên liệu sử dụng để sản xuất điện được miễn nộp thuế hoàn toàn. Lý do được Chính phủ đưa ra là do lo ngại về khả năng cạnh tranh quốc tế và rò rỉ carbon trong các ngành công nghiệp và nông nghiệp (Johansson, 2020). Mặt khác, thuế carbon của Thụy Điển chủ yếu tác động đến lĩnh vực giao thông vận tải (Tirkaso & Gren, 2020). Trong đó nhiên liệu động cơ sử dụng cho phương tiện cơ bản chịu thuế theo mức thuế CO<sub>2</sub> chung. Thuế carbon đã góp phần hạn chế sự gia tăng vận tải đường bộ và giảm sử dụng nhiên liệu hóa thạch, dẫn đến việc mở rộng sử dụng nhiên liệu sinh học ở Thụy Điển (Hildingsson & Knaggård, 2022).

HÌNH 3. MỨC PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH VÀ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA THỤY ĐIỂN 1990-2021



Nguồn: Văn phòng Chính phủ Thụy Điển, 2023.

Hình 3 cho thấy, trong thời kỳ 1990-2021, thuế carbon góp phần giảm 33% mức phát thải khí nhà kính của Thụy Điển, trong khi GDP tăng 92%. Kể từ khi áp dụng thuế suất đặc biệt áp đặt đối với các nhiên liệu có hàm lượng carbon cao, nhiên liệu hóa thạch đang được sử dụng ở Thụy Điển đã có sự sụt giảm lớn. Bên cạnh đó, Thụy Điển cũng đưa ra những giải pháp miễn giảm thuế carbon khi sử dụng năng lượng hiệu quả. Vì vậy, các chủ thể phát thải

được khuyến khích tìm các giải pháp để cải tiến công nghệ, chuyển đổi sang các công nghệ xanh nhằm giảm thuế. Vì vậy, đến nay, thuế CO<sub>2</sub> đã và vẫn đang là công cụ chính để Thụy Điển giảm tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch và do đó giảm lượng khí thải CO<sub>2</sub> từ các ngành không thuộc Hệ thống giao dịch phát thải của Châu Âu (EU Emissions Trading System). Nhìn chung, với mức thuế phát thải carbon cao nhất trên toàn thế giới, Thụy Điển là bằng chứng mạnh

mẽ cho việc sử dụng hiệu quả thuế carbon trong việc giảm thiểu hiệu ứng nhà kính mà không gây ra các tác động tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế (Andersson, 2019; Brännlund et al., 2014; Criqui et al., 2019; Shmelev & Speck, 2018).

## **2.2. Phát hành thành công trái phiếu xanh để tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng ở Ấn Độ**

Ấn Độ được biết tới như một đất nước có mức độ nhập khẩu ròng lớn đối với các sản phẩm dầu mỏ và các nguồn tài nguyên hóa thạch trong nhiều thế kỷ trước đây (Koshy, 2022). Điều này đã khiến cho vấn đề BĐKH ngày càng trở nên trầm trọng, gây ra nhiều thách thức đối với Chính phủ về sự phát triển bền vững của nước này (Prakash & Sethi, 2021). Từ những năm 2008, Ấn Độ đã đưa ra chính sách “Kế hoạch hành động quốc gia về Biến đổi khí hậu”, và năm 2015 đã trở thành một trong những quốc gia đầu tiên khởi động chương trình trái phiếu xanh cho Nhà nước ủng hộ để hỗ trợ cho các dự án năng lượng tái tạo và hỗ trợ giảm thiểu phát thải. Tuy nhiên, cho tới tận năm 2022, các khuôn khổ luật pháp của nước này mới chính thức công bố về các chiến lược và triển khai, điển hình như khuôn khổ về trái phiếu xanh như một công cụ nợ để tài trợ cho các dự án thân thiện với môi trường, khuyến khích sự tự tin của các nhà đầu tư cũng như giảm thiểu rủi ro và tăng tính minh bạch đối với các nguyên tắc được đưa ra (Jain & Deb, 2023). Việc Ấn Độ phát hành thành công trái phiếu xanh từ cuối năm 2022 cho đến nay để tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng là một bước phát triển tích cực cho những nỗ lực của đất nước nhằm chuyển đổi sang một hệ thống năng lượng bền vững hơn.

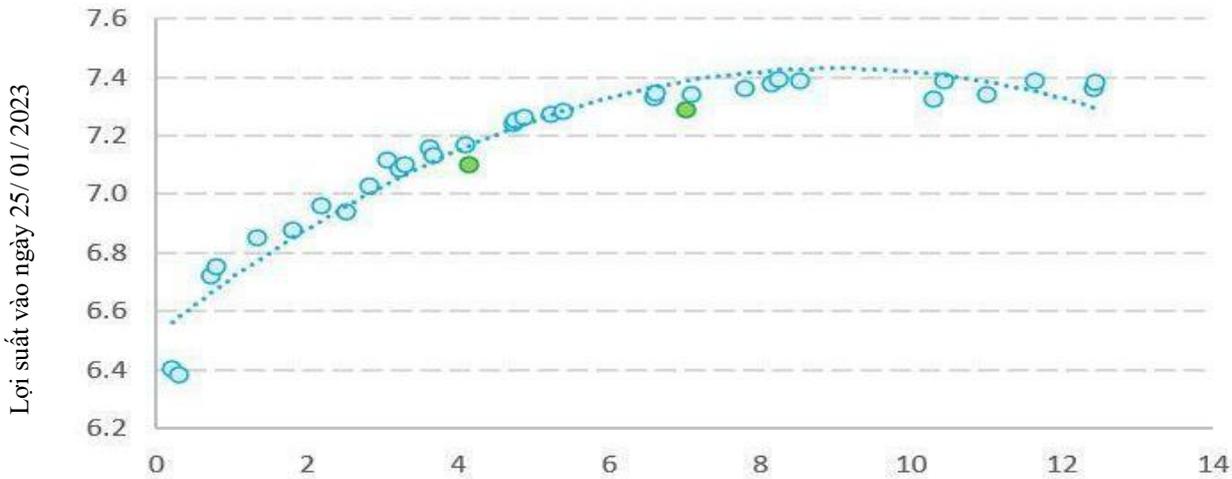
Theo thông tin của BQPrime, vào đầu năm 2023, trái phiếu GSSS (Nợ xanh, xã hội, bền vững và nợ liên kết bền vững) đạt mức 20 tỷ USD tương đương 3,8% thị trường trái phiếu doanh nghiệp tổng thể của quốc gia, chú trọng đến các lĩnh vực như năng lượng tái tạo, năng lượng mặt trời,... (BQPrime, 2023). Bên cạnh đó, Ngân hàng Trung ương Ấn Độ đã phát hành

trái phiếu xanh có giá trị lên tới 16.000 tỷ Rs trong 2 tháng đầu năm 2023 để giảm thiểu khí thải và thích ứng với khí hậu – kết hợp với các chính sách khí hậu quốc gia đã được đưa ra. Trái phiếu xanh đem đến các lợi ích trong việc thu hút các nguồn tài trợ cho dự án phát triển bền vững, giúp cho các nước có thể triển khai kế hoạch giảm phát thải và hỗ trợ các dự án năng lượng tái tạo mà các phương án tài chính truyền thống không thể thực hiện được. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các nước đang phát triển như Ấn Độ, nơi có nhu cầu đầu tư đáng kể vào năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng.

Trái phiếu xanh của Chính phủ Ấn Độ khi phát hành đã thu hút lượng đăng ký mua vượt mức hơn bốn lần, tạo ra sự chênh lệch giá trên thị trường sơ cấp và đẩy lợi suất của trái phiếu xanh xuống 2 điểm phần trăm với kỳ hạn 10 năm và ba điểm phần trăm với kỳ hạn 5 năm. Cả hai trái phiếu xanh với kỳ hạn 5 năm (2028) và trái phiếu xanh kỳ hạn 10 năm (2033) được định giá nằm dưới đường cong lợi suất của trái phiếu chính phủ thường, thu được “greenium”, tức là có chi phí tài chính rẻ hơn so với trái phiếu thường (Hình 4). Theo thông cáo báo chí của Chính phủ, số tiền thu được từ trái phiếu xanh có chủ quyền sẽ hỗ trợ các dự án nhằm giảm 45% cường độ phát thải trên GDP vào năm 2030 so với mức năm 2005 và tăng tỷ lệ sử dụng nguồn năng lượng tái tạo lên 40% vào năm 2030, với mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2070 (Kumar, 2023).

Thông qua hoạt động phát hành trái phiếu xanh, Ấn Độ có thể khai thác nhu cầu ngày càng tăng về đầu tư bền vững trên toàn thế giới, là kênh đang được thúc đẩy bởi nhận thức ngày càng tăng về nhu cầu giải quyết biến đổi khí hậu. Điều này đã giúp thu hút nhiều nhà đầu tư khác nhau, bao gồm các nhà đầu tư, các tổ chức, quỹ hưu trí và nhà đầu tư bán lẻ. Ngoài ra, Ngân hàng trung ương Ấn Độ cũng đã tạo điều kiện thông qua việc hỗ trợ cho các nhà đầu tư nước ngoài khi tập trung vào ESG có cơ hội được tiếp cận với trái phiếu xanh của nước này.

HÌNH 4. ĐƯỜNG CONG LỢI SUẤT CỦA TRÁI PHIẾU XANH 2028 VÀ 2033 SO SÁNH VỚI TRÁI PHIẾU THƯỜNG CỦA CHÍNH PHỦ ẤN ĐỘ



Nguồn: Climate Bond Initiative, 2023.

Nhìn chung, việc Ấn Độ phát hành thành công trái phiếu xanh để tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng là một bước tích cực để đạt được các mục tiêu năng lượng tái tạo của đất nước và giảm lượng khí thải carbon. Điều này cũng thể hiện cam kết của Ấn Độ trong việc giải quyết BĐKH và thúc đẩy phát triển bền vững.

### 2.3. Áp dụng luật công bố rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu tới các doanh nghiệp ở Pháp

Trong những năm gần đây, Pháp đã trở thành một nước tiên phong trong cuộc chiến chống BĐKH và đã tiếp cận vấn đề này một cách chủ động (Parker et al., 2017). Một trong những chính sách đáng chú ý mà Pháp đã áp dụng là luật yêu cầu các doanh nghiệp công bố rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu, được quy định trong Đạo luật Chuyển đổi Năng lượng của Pháp, Điều 173, có hiệu lực từ tháng 1 năm 2016. Luật này yêu cầu tất cả các doanh nghiệp niêm yết hoạt động tại Pháp phải công bố rủi ro liên quan đến BĐKH và hậu quả của BĐKH đối với hoạt động của họ trong báo cáo hàng năm. Ngoài ra, các nhà đầu tư là tổ chức cũng phải công bố cách tiếp cận của họ trong việc tích hợp

các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào quyết định đầu tư. Điều luật được đưa ra nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về thông tin liên quan đến tác động của BĐKH đối với doanh nghiệp và nền kinh tế. Bằng việc yêu cầu doanh nghiệp công bố rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu, điều luật được đưa ra nhằm tăng cường sự minh bạch và trách nhiệm của doanh nghiệp, qua đó cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư và các bên liên quan để đưa ra quyết định có căn cứ hơn (Simonet & Leseur, 2019).

Việc áp dụng luật công bố rủi ro liên quan đến BĐKH cho các doanh nghiệp và các tổ chức tài chính của Pháp đã thành công trong việc thúc đẩy phát triển bền vững và khuyến khích các doanh nghiệp đối phó với BĐKH (Mésonnier & Nguyen, 2021). Trước tiên, luật này có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ công bố về BĐKH của các doanh nghiệp, từ đó khuyến khích các doanh nghiệp phát triển các chiến lược phù hợp để thích nghi với môi trường thay đổi. Một nghiên cứu của Demaria & Rigot (2020) cho thấy sự tăng trưởng đáng kể của các doanh nghiệp (hơn 42%) trong việc công bố rủi ro liên quan đến BĐKH từ năm 2015 đến 2018. Hơn nữa, sau khi điều luật được ban hành, các doanh nghiệp tại Pháp đã có xu hướng gia tăng

việc công bố thông tin liên quan đến BDKH một cách tự nguyện, điển hình là các doanh nghiệp có lượng phát thải cao (Amar et al., 2022). Ngoài ra, việc các doanh nghiệp công bố rủi ro liên quan đến BDKH và triển khai các kế hoạch hành động giúp giảm thiểu rủi ro môi trường, dẫn đến giảm chi phí và tăng lợi nhuận vượt trội so với đối thủ (Secinaro et al., 2020). Điều này nhấn mạnh những lợi ích tiềm năng của việc đưa ra biện pháp chống biến đổi khí hậu, vì nó có thể tác động tích cực đến cả môi trường và hiệu suất tài chính của các doanh nghiệp.

Thứ hai, điều luật công bố tại Pháp đã tạo ra ảnh hưởng tích cực đối với cộng đồng đầu tư, vì các nhà đầu tư được yêu cầu tích hợp ESG vào quyết định của họ và có thể đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn hơn (Crifo et al., 2019). Điều này tạo ra một vòng phản hồi tích cực, vì các doanh nghiệp đang có các biện pháp đối phó với BDKH trở nên hấp dẫn hơn đối với nhà đầu tư và do đó có khả năng nhận được nguồn vốn cho các dự án phát triển bền vững của họ. Hơn nữa, nghiên cứu của Mésonnier & Nguyen (2021) cho thấy các nhà đầu tư bị buộc phải công bố việc tích hợp tiêu chí môi trường, xã hội và quản trị (ESG) trong quyết định của họ đã giảm đầu tư vào các doanh nghiệp năng lượng hóa thạch khoảng 40% so với những nhà đầu tư không phải tuân thủ yêu cầu công bố.

Thành công của Pháp trong việc thực thi điều luật công bố rủi ro liên quan đến BDKH đã tạo động lực cho các quốc gia khác làm tương tự. Năm 2017, Nhóm Nhiệm vụ về công bố Tài chính liên quan đến BDKH (TCFD) được thành lập bởi G20 để phát triển các khuyến nghị cho các doanh nghiệp công bố rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu. Các khuyến nghị của TCFD đã được áp dụng rộng rãi bởi các doanh nghiệp và nhà đầu tư trên toàn thế giới và đã giúp thúc đẩy sự minh bạch và trách nhiệm trong các doanh nghiệp tư nhân (TCFD, 2021).

Tổng quan, việc thực thi thành công Đạo luật công bố rủi ro liên quan đến BDKH của Pháp đối với các doanh nghiệp đã là một bước

đi tích cực hướng đến việc thực hiện một tương lai bền vững hơn. Bằng cách tăng cường sự minh bạch trong công bố thông tin và trách nhiệm đối với môi trường, Đạo luật đã khuyến khích các doanh nghiệp hành động đối phó với BDKH và cung cấp thông tin đầy đủ đến các nhà đầu tư để có quyết định đầu tư phù hợp.

#### ***2.4. Thách thức trong việc thực thi chính sách tài chính khí hậu cho phát triển bền vững của các quốc gia***

Bên cạnh những thành công bước đầu trong việc thực hiện những chính sách tài chính khí hậu, các quốc gia trên thế giới vẫn gặp những thách thức trong việc thực hiện chính sách trên. Một trong những thách thức lớn chính là thiếu tiêu chuẩn hóa trong việc báo cáo và công bố. Việc thiếu các khung hướng dẫn và tiêu chuẩn cho các báo cáo về rủi ro khí hậu làm cho việc so sánh và đánh giá hiệu suất bền vững của các doanh nghiệp khác nhau trở nên khó khăn đối với nhà đầu tư và các bên liên quan. Ngoài ra, việc thiếu hệ thống phân loại và công bố dẫn đến vấn đề “rửa xanh” (greenwashing), trong đó các doanh nghiệp đưa ra các tuyên bố gian lận hoặc gây hiểu lầm về tác động vì môi trường hoặc việc thực thi ESG của họ, thường nhằm tạo ra một hình ảnh đẹp trước công chúng mà không cần tốn kinh phí thực hiện những hoạt động vì môi trường (de Freitas Netto et al., 2020). Những hoạt động này có thể làm suy yếu những nỗ lực hợp pháp để giải quyết các vấn đề môi trường của chính phủ các quốc gia.

Một thách thức khác đến từ những khó khăn trong việc đo lường và đánh giá tác động của chính sách tài chính khí hậu. Mặc dù những chính sách này nhằm thúc đẩy phát triển bền vững và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, nhưng việc định lượng tác động và theo dõi tiến trình theo thời gian có thể gặp nhiều khó khăn.

Cuối cùng, chính phủ các quốc gia hiện nay cũng gặp những thách thức trong việc đảm bảo rằng chính sách tài chính khí hậu là công bằng và bao hàm. Khi các quốc gia chuyển đổi hướng

đến các việc phát triển bền vững hơn, chính phủ các quốc gia cần đảm bảo rằng những chính sách này không gây ảnh hưởng đến cộng đồng dễ bị tổn thương hoặc làm trầm trọng thêm những bất bình đẳng hiện có giữa các đối tượng trong nền kinh tế.

Mặc dù hiện nay các quốc gia đã có những thành công bước đầu trong việc triển khai các chính sách tài chính khí hậu nhằm hỗ trợ việc phát triển bền vững, nhưng hiện nay tồn tại những thách thức cần được giải quyết một cách triệt để. Để vượt qua những thách thức này và đạt được mục tiêu bền vững hơn, các quốc gia cần hướng đến sự thống nhất, minh bạch và bao hàm trong các chính sách của họ.

### Kết luận

Trong bối cảnh thế giới đang phải đối diện với nhiều thách thức của biến đổi khí hậu, chính sách tài chính khí hậu là một trong các công cụ hữu hiệu giúp chính phủ các nước đạt được mục tiêu giảm thiểu tác động BĐKH và giúp thế giới đạt được mục tiêu hạn chế sự nóng lên toàn cầu. Bên cạnh đó, chính sách tài chính khí hậu cũng nhằm xây dựng khả năng phục hồi, hỗ trợ chuyển đổi sang nền kinh tế xanh và thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững.

Các nước như Thụy Điển, Ấn Độ và Pháp là những minh chứng điển hình trong việc triển khai và thực hiện theo lộ trình các chính sách tài chính khí hậu hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Trong đó cần phải kể đến những thành công của Pháp trong việc thúc đẩy các doanh nghiệp công bố thông tin về môi trường,

xã hội và quản trị (ESG), cũng như khuyến khích các nhà đầu tư ngày càng tăng việc tích hợp các yếu tố ESG vào quyết định đầu tư của mình. Cùng với đó, Chính phủ Ấn Độ tăng cường phát triển thị trường trái phiếu xanh và các khoản vay liên quan đến bền vững, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và giải quyết mối đe dọa của BĐKH và sự cần thiết của việc hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang các nguồn năng lượng tái tạo. Bên cạnh đó, chính sách thuế carbon của Thụy Điển cũng được ca ngợi là một thành công vì có hiệu quả trong việc giảm lượng khí thải carbon mà không ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Nhìn chung, thành công của các quốc gia này đã tạo động lực cho các quốc gia khác triển khai các chính sách tài chính hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và giảm thiểu các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu.

Tuy nhiên, hiện nay tồn tại một số thách thức đặt ra cho các nhà hoạch định chính sách. Trong đó có thể kể đến những thách thức gây ra do thiếu tiêu chuẩn hóa trong việc báo cáo và công bố ESG hay việc thiếu hệ thống phân loại và công bố dẫn đến vấn đề rửa xanh (greenwashing). Những tồn đọng này có thể làm giảm tính hiệu quả của các chính sách tài chính khí hậu và ảnh hưởng tới những nỗ lực hợp pháp để giải quyết các vấn đề môi trường của chính phủ các quốc gia. Vì vậy, các quốc gia cần hướng đến sự thống nhất, minh bạch và hoàn thiện trong các quy định để từ đó tăng tính hiệu quả của các chính sách tài chính khí hậu, đồng thời góp phần vào sự phát triển kinh tế.

### Tài liệu tham khảo

1. Amar, J., Demaria, S., & Rigot, S. (2022). Enhancing Financial Transparency to Mitigate Climate Change: Toward a Climate Risks and Opportunities Reporting Index. *Environmental Modeling and Assessment*, 27(3), 425–439. <https://doi.org/10.1007/S10666-021-09800-7/TABLES/11>.
2. Andersson, J. J. (2019). Carbon taxes and CO<sub>2</sub> emissions: Sweden as a case study. *American Economic Journal: Economic Policy*, 11(4), 1–30. <https://doi.org/10.1257/pol.20170144>.
3. Barmes, D., & Livingstone, Z. (2021). The green central banking scorecard how green are G20 central banks and financial supervisors? *In Business*. <https://positivemoney.org/publications/green-central-banking-scorecard/>.

4. Beg, N., Morlot, J. C., Davidson, O., Afrane-Okesse, Y., Tyani, L., Denton, F., Sokona, Y., Thomas, J. P., La Rovere, E. L., Parikh, J. K., Parikh, K., & Rahman, A. A. (2002). Linkages between climate change and sustainable development. *Climate Policy*, 2(2–3). <https://doi.org/10.3763/cpol.2002.0216>.
5. Bloomberg (2023). *The future of ESG investing*. Bloomberg.com. <https://sponsored.bloomberg.com/article/mubadala/the-future-of-esg-Investing>.
6. Bohlin, F. (1998). The Swedish carbon dioxide tax: Effects on biofuel use and carbon dioxide emissions. *Biomass and Bioenergy*, Vol. 15, Nos 4/5, pp. 283–291.
7. BQPrime (2023, February 11). India's Green Bond Issuances Just 3.8% Of Overall Domestic Corporate Bond Market: Report. BQPrime. <https://www.bqprime.com/business/indias-green-bond-issuances-just-38-of-overall-domestic-corporate-bond-market-report>.
8. Brännlund, R., Lundgren, T., & Marklund, P. O. (2014). Carbon intensity in production and the effects of climate policy-Evidence from Swedish industry. *Energy Policy*, 67, 844–857. <https://doi.org/10.1016/j.enpol.2013.12.012>.
9. Burck, J., Hagen, U., Bals, C., Höhne, N., & Nascimento, L. (2020). Climate Mitigation Efforts of 57 Countries plus the EU. Covering 90% of the Global Greenhouse Gas Emissions. [www.germanwatch.org](http://www.germanwatch.org)
10. Climate Bonds Initiative (2022). *Sustainable Debt Highlights 2021*. Truy cập tại <https://www.climatebonds.net/resources/reports/sustainable-debt-highlights-h1-2021>.
11. Climate Bonds Initiative (2023). *India's debut in the sovereign green bond market: First deal landed a greenium!* Climate Bonds Initiative. <https://www.climatebonds.net/2023/03/india%E2%80%99s-debut-sovereign-green-bond-market-first-deal-landed-greenium>.
12. Cortellini, G., & Panetta, I. C. (2021). Green Bond: A Systematic Literature Review for Future Research Agendas. *Journal of Risk and Financial Management*, 14(12), 589. <https://doi.org/10.3390/jrfm14120589>.
13. Crifo, P., Durand, R., & Gond, J. P. (2019). Encouraging Investors to Enable Corporate Sustainability Transitions: The Case of Responsible Investment in France. *Organization & Environment*, 32(2), 125–144. <https://doi.org/10.1177/1086026619848145>.
14. Criqui, P., Jaccard, M., & Sterner, T. (2019). Carbon taxation: A tale of three countries. *Sustainability (Switzerland)*, 11(22). <https://doi.org/10.3390/su11226280>.
15. D'Orazio, P. (2022). Mapping the emergence and diffusion of climate-related financial policies: Evidence from a cluster analysis on G20 countries. *International Economics*, 169, 135–147. <https://doi.org/10.1016/j.inteco.2021.11.005>.
16. D'orazio, P., & Dirks, M. W. (2022). Exploring the effects of climate-related financial policies on carbon emissions in G20 countries: a panel quantile regression approach. *Environmental Science and Pollution Research*, 29, 7678–7702. <https://doi.org/10.1007/s11356-021-15655-y>/Published.
17. D'Orazio, P., & Popoyan, L. (2019). Fostering green investments and tackling climate-related financial risks: Which role for macroprudential policies? *Ecological Economics*, 160, 25–37. <https://doi.org/10.1016/j.ecolecon.2019.01.029>.
18. D'Orazio, P., & Thole, S. (2022). Climate-related financial policy index: A composite index to compare the engagement in green financial policymaking at the global level. *Ecological Indicators*, 141. <https://doi.org/10.1016/j.ecolind.2022.109065>.
19. de Freitas Netto, S. V., Sobral, M. F. F., Ribeiro, A. R. B., & Soares, G. R. da L. (2020). Concepts and forms of greenwashing: a systematic review. *Environmental Sciences Europe*, 32(1), 1–12. <https://doi.org/10.1186/S12302-020-0300-3/FIGURES/5>.

20. Demaria, S., & Rigot, S. (2020). Corporate environmental reporting: Are French firms compliant with the Task Force on Climate Financial Disclosures' recommendations? . *Business Strategy and the Environment* . <https://sci-hub.se/10.1002/bse.2651>.
21. Deschryver, P., & de Mariz, F. (2020). What Future for the Green Bond Market? How Can Policymakers, Companies, and Investors Unlock the Potential of the Green Bond Market? *Journal of Risk and Financial Management*, 13(3), 61. Truy cập tại <https://doi.org/10.3390/jrfm13030061>.
22. Dikau, S., & Ryan-Collins, J. (2017). Green central banking in emerging market and developing country economies.
23. Diluiso, F., Annicchiarico, B., Kalkuhl, M., & Minx, J. C. (2021). Climate actions and macro-financial stability: The role of central banks. *Journal of Environmental Economics and Management*, 110. <https://doi.org/10.1016/j.jeem.2021.102548>.
24. Fatica, S., & Panzica, R. (2021). Green bonds as a tool against climate change? *Business Strategy and the Environment*, 30(5), 2688–2701. <https://doi.org/10.1002/bse.2771>.
25. Flammer C. (2019). Green Bonds Effectiveness and Implications for Public Policy NBER. *National Bureau of Economic Research*.
26. Flammer, C. (2021). Corporate green bonds. *Journal of Financial Economics*, 142(2), 499–516 <https://doi.org/10.1016/j.jfineco.2021.01.010>.
27. Gautam Jain, & Kaushik Deb (2023). India Integrates Green Bonds Into Its Decarbonization Strategy. *Center on Global Energy Policy*. <https://www.energypolicy.columbia.edu/india-integrates-green-bonds-into-its-decarbonization-strategy/>.
28. Government Commission of Measures against Climate Change (2000). *Förslag till svensk klimatstrategi*, SOU:2000:23, Fritzes, Stockholm.
29. Hildingsson, R., & Knaggård, Å. (2022). The Swedish Carbon Tax. In *Successful Public Policy in the Nordic Countries* (pp. 239–262). *Oxford University Press Oxford*. <https://doi.org/10.1093/oso/9780192856296.003.0012>.
30. ICMA (2021). *Green Bond Principles Voluntary Process Guidelines for Issuing Green Bonds*.
31. International federation of accountants (IFAC). (2023). *The State of Play: Sustainability Disclosure & Assurance 2019-2021 Trends & Analysis*. <https://www.ifac.org/knowledge-gateway/contributing-global-economy/publications/state-play-sustainability-disclosure-assurance-2019-2021-trends-analysis>.
32. Jacob Koshy (2022, July 10). Transition from fossil fuels to renewable energy can pose fiscal challenges for India: study. *The Hindu*. <https://www.thehindu.com/news/national/transition-from-fossil-fuels-to-renewable-energy-can-pose-fiscal-challenges-for-india-study/article65623618.ece>.
33. Johansson, B (2020). *Economic Instruments in Practice 1: Carbon Tax in Sweden*.
34. Krogstrup, S., & Oman, W. (2019). *Macroeconomic and Financial Policies for Climate Change Mitigation: A Review of the Literature*.
35. Krueger, P., Sautner, Z., & Starks, L. T. (2020). The importance of climate risks for institutional investors. *In Review of Financial Studies* (Vol. 33, Issue 3, pp. 1067–1111). Oxford University Press. <https://doi.org/10.1093/rfs/hhz137>.
36. Leal Filho, W., Viera Trevisan, L., Simon Rampasso, I., Anholon, R., Pimenta Dinis, M. A., Londero Brandli, L., Sierra, J., Lange Salvia, A., Pretorius, R., Nicolau, M., Paulino Pires Eustachio, J. H., & Mazutti, J. (2023). When the alarm bells ring: Why the UN sustainable development goals may not be achieved by 2030. *Journal of Cleaner Production*, 407, 137108. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2023.137108>.

37. Lerven, van, Chenet, H., Ryan-Collins, J., & van Lerven, F. (2019). About the Institute for Innovation and Public Purpose Climate-related financial policy in a world of radical uncertainty: Towards a precautionary approach. Truy cập tại <https://www.ucl.ac.uk/bartlett/public-purpose/wp2019-13>.
38. Maltais, A., & Nykvist, B. (2021). Understanding the role of green bonds in advancing sustainability. *Journal of Sustainable Finance and Investment*, 11(3), 233–252. <https://doi.org/10.1080/20430795.2020.1724864>.
39. Mésonnier, J.-S., & Nguyen, B. (2021). Showing off cleaner hands: mandatory climate-related disclosure by financial institutions and the financing of fossil energy. <https://publications.banque-france.fr/en/showing-cleaner-hands-mandatory-climate-related-disclosure-financial-institutions-and-financing>.
40. Ministry of Environment Sweden. (2014). *Sweden's Sixth National Communication on Climate Change*. Retrieved May 22, 2023, from <https://www.government.se/contentassets/94d274fef8ef470a9b6901421b50d1d1/swedens-sixth-national-communication-on-climate-change---under-the-united-nations-framework-convention-on-climate-change-ds-201411>.
41. Neha Kumar (2023). India's sovereign green bonds: steps for building on a successful debut. *Grantham Research Institute on Climate Change and the Environment*. <https://www.lse.ac.uk/granthaminstitute/news/indias-sovereign-green-bonds-steps-for-building-on-a-successful-debut/>.
42. Ng, A. W. (2018). From sustainability accounting to a green financing system: Institutional legitimacy and market heterogeneity in a global financial centre. *Journal of Cleaner Production*, 195, 585–592. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2018.05.250>.
43. NGFS (2019). Network for Greening the Financial System First comprehensive report A call for action Climate change as a source of financial risk.
44. Ngân hàng Trung ương Brasil. (2011). Circular 3,547 of July 7, 2011 Establishes procedures and parameters related to the Internal Capital Adequacy Assessment Process (ICAAP) (Vol. 595, Issue 2).
45. Ngân hàng Trung ương Vương quốc Anh. (2023). The Ngân hàng Trung ương Vương quốc Anh's climate-related financial disclosure 2021. Retrieved from <https://www.bankofengland.co.uk/prudential-regulation/publication/2021/june/climate-related-financial-disclosure-2020-21>.
46. Parker, C. F., Karlsson, C., & Hjerpe, M. (2017). Assessing the European Union's global climate change leadership: from Copenhagen to the Paris Agreement. *Journal of European Integration*, 39(2), 239–252. <https://doi.org/10.1080/07036337.2016.1275608>.
47. Prakash, N., & Sethi, M. (2021). Green Bonds Driving Sustainable Transition in Asian Economies: The Case of India. *The Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 8(1), 723–732. <https://doi.org/10.13106/JAFEB.2021.VOL8.NO1.723>.
48. Reboredo, J. C. (2018). Green bond and financial markets: Co-movement, diversification and price spillover effects. *Energy Economics*, 74, 38–50. <https://doi.org/10.1016/j.eneco.2018.05.030>
49. Reserve Bank of India (2015). Priority sector lending-targets and classification. Mumbai: Reserve Bank of India.
50. Secinaro, S., Brescia, V., Calandra, D., & Saiti, B. (2020). Impact of climate change mitigation policies on corporate financial performance: Evidence-based on European publicly listed firms. *Corporate Social Responsibility and Environmental Management*, 27(6), 2491–2501. <https://doi.org/10.1002/CSR.1971>.
51. Shmelev, S. E., & Speck, S. U. (2018). Green fiscal reform in Sweden: Econometric assessment of the carbon and energy taxation scheme. In *Renewable and Sustainable Energy Reviews* (Vol. 90, pp. 969–981). Elsevier Ltd. <https://doi.org/10.1016/j.rser.2018.03.032>.

52. Simonet, G., & Leseur, A. (2019). Barriers and drivers to adaptation to climate change—a field study of ten French local authorities. *Climatic Change*, 155(4), 621–637. <https://doi.org/10.1007/S10584-019-02484-9/METRICS>.
53. TCFD (2021). Task Force on Climate-related Financial Disclosures Guidance on Metrics, *Targets, and Transition Plans*.
54. Tirkaso, W. T., & Gren, I. M. (2020). Road fuel demand and regional effects of carbon taxes in Sweden. *Energy Policy*, 144. <https://doi.org/10.1016/j.enpol.2020.111648>.
55. United Nations (2023). Progress towards the Sustainable Development Goals: Towards a Rescue Plan for People and Planet.
56. Văn phòng Chính phủ Thụy Điển. (2023). *Sweden's Carbon Tax*. Regeringskansliet. <https://www.government.se/government-policy/swedens-carbon-tax/swedens-carbon-tax/#:~:text=Swedish%20carbon%20tax%20rates&text=The%20carbon%20tax%20was%20introduced,of%20SEK%2010.87%20per%20EUR>.
57. Villeroy De Galhau, F. (2019). Climate change: central banks are taking action.
58. World Bank (2022). State and Trends of Carbon Pricing 2022. Washington, DC: World Bank. <https://doi.org/10.1596/978-1-4648-1895-0>.
59. World Bank. (2022). State and Trends of Carbon Pricing. <https://doi.org/10.1596/978-1-4648-1895-0>
60. Xu, X., & Li, J. (2023). Can green bonds reduce the carbon emissions of cities in China? *Economics Letters*, 226. <https://doi.org/10.1016/j.econlet.2023.111099>.
61. Zerbib, O. D. (2019). The effect of pro-environmental preferences on bond prices: Evidence from green bonds. *Journal of Banking and Finance*, 98, 39–60. <https://doi.org/10.1016/j.jbankfin.2018.10.012>.

---

**Thông tin tác giả:****1. Phùng Thị Thu Hương, ThS.**

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế,  
Đại học Quốc gia Hà Nội

**2. Lưu Hạnh Nguyên, ThS.**

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế,  
Đại học Quốc gia Hà Nội

- Địa chỉ email: [luuhanhnguyen@vnu.edu.vn](mailto:luuhanhnguyen@vnu.edu.vn)

**3. Cù Nguyễn Hà Trang, ThS.**

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế,  
Đại học Quốc gia Hà Nội

Ngày nhận bài: 17/10/2023

Ngày nhận bản sửa: 12/11/2023

Ngày duyệt đăng: 29/11/2023